

Đơn ghi danh tại một Vườn trẻ Công lập tại NSW

Cám ơn quý vị đã chọn ghi danh tại một Vườn trẻ Công lập tại NSW.

Các gia đình phải trả lệ phí để con em họ được tham gia vườn trẻ trừ khi họ hợp lệ để được phụ trợ lệ phí hoặc miễn lệ phí.

Việc xếp lớp vào một vườn trẻ không có nghĩa là con em của quý vị sẽ được tự động ghi danh vào năm sau đó tại ngôi trường có vườn trẻ này.

Cần điền đơn này bằng tiếng Anh. Nếu cần được giải thích về bất cứ câu hỏi nào hoặc cần được giúp đỡ để điền đơn này, hãy nhờ nhà trường trợ giúp.

Trước khi bắt đầu điền đơn này, xin quý vị tham khảo trang 15 và 16 trong đơn để biết chi tiết về việc điền đơn và các giấy tờ mà quý vị cần cung cấp cho trường. Ở trang 13 có giải thích về mục đích và việc sử dụng thông tin mà quý vị cung cấp.

Chi tiết của trẻ (Child's details)

A. Chi tiết của trẻ (A. Child's details)

Họ Family name			
Tên First given name			
Tên đệm Second given name			
Tên chính thường gọi Preferred first name			
Phái tính Gender	☐ Nam Male	☐ Nữ Female	Ngày sinh Date of birth
			/ / ngày tháng năm

CHỈ DÀNH CHO VĂN PHÒNG (OFFICE USE ONLY)

Preschool name			
Child registration number		Date of enrolment at this school	/ / day month year
Roll class (eg Group A, Group B)			
Out of home care	☐ Yes ☐ No	Name of statutory care provider	

Chi tiết của trẻ (Child's details)

Anh chị em của trẻ (Child's brothers and sisters)

Con của quý vị có anh/chị/em nào đã ghi danh tại một trường Công lập NSW hiện thời hoặc trong 5 năm qua?

Brothers or sisters enrolled at a NSW Government school

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu có, tên của trường mới đây nhất?
If yes, name of most recent school?

Nếu có, nêu chi tiết của anh/chị/em đã ghi danh gần đây nhất.

Phái tính
Gender

☐ Nam
Male

☐ Nữ
Female

Ngày sinh
Date of birth

//
ngày tháng năm

Họ của anh/chị/em
Brother's/sister's family name

Tên của anh/chị/em
Brother's/sister's given name

Gốc thổ dân (Aboriginality)

Con của quý vị có nguồn gốc Thổ dân hoặc Dân đảo Torres Strait hay không?

Aboriginal or Torres Strait Islander origin

☐ Không
No

☐ Thổ dân
Aboriginal

☐ Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

☐ Cả gốc Thổ dân và dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

Ngôn ngữ nói tại nhà ngoài tiếng Anh (Languages other than English spoken at home)

Con của quý vị có nói ngôn ngữ nào khác tại nhà ngoài tiếng Anh? (Does your child speak a language other than English at home?)

☐ Không, chỉ nói tiếng Anh
No

☐ Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào mà học sinh nói tại nhà ngoài tiếng Anh?

Xin vui lòng viết ra ngôn ngữ thực sự sử dụng, ví dụ Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính mà con của quý vị nói tại nhà, ngoài tiếng Anh (Main language other than English spoken at home by the child)

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

Quốc gia nơi sinh (Country of birth)

Quốc gia nơi sinh của con quý vị
What is your child's country of birth?

Tình trạng cư trú của trẻ (Child's residency status)

Tình trạng cư trú của con quý vị như thế nào?
What is your child's residency status?

☐ Công dân Úc
Australian citizen

☐ Công dân Tân Tây Lan
New Zealand citizen

☐ Dân đảo Norfolk
Norfolk Islander

☐ Cư dân thường trú
Permanent resident

☐ Có thị thực tạm trú
Temporary visa holder

☐ Có giấy quyết định về nơi cư trú
Residence determination

Một trẻ được sinh ra tại Úc chỉ tự động trở thành công dân Úc nếu có cha hoặc mẹ đã là công dân hoặc cư dân thường trú tại Úc vào lúc em đó chào đời.

Nếu sinh quán ở nước ngoài, con của quý vị đến Úc vào ngày nào?
If born overseas, on what date did your child arrive in Australia?

//
ngày tháng năm

Nếu con của quý vị là công dân sinh quán ở Úc, và em đã sống tại nước ngoài trong hai năm hoặc hơn, thì em đã trở lại Úc vào ngày nào?
Date of return for Australian born citizens living overseas for two or more years

//
ngày tháng năm

Nếu con của quý vị có thị thực thường trú hoặc tạm trú, xin cung cấp các thông tin sau
If your child is a permanent or temporary visa holder, please provide the following information

Thị thực hạng-phụ hiện thời
Current visa sub-class

Ngày hết hạn của thị thực
Visa expiry date

//
ngày tháng năm

Chi tiết của trẻ (Child's details)

Nguồn gốc văn hóa (Cultural background)

Nguồn gốc văn hóa của con quý vị?

What is your child's cultural background?

Có bất cứ yêu cầu đặc biệt nào (ví dụ yêu cầu về văn hóa, tôn giáo, chế độ ăn uống) cho con của quý vị?

Are there any special considerations (eg cultural, dietary, religious requirements) for your child?

Các trải nghiệm trước đây nơi vườn trẻ và dịch vụ giữ trẻ

Previous preschool and childcare experience

Con em của quý vị hiện nay hoặc trước đây đã được chăm sóc thường xuyên bởi người nào mà không phải là cha mẹ của em và/hoặc có trải nghiệm học tập sớm nào khác?

Is your child currently in or has your child previously been in non-parental care on a regular basis and/or had any other early learning experience?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu có, nêu rõ bất cứ điều nào sau đây áp dụng và cho biết đó là bán thời (chưa tới 15 giờ mỗi tuần) hoặc toàn thời (15 giờ trở lên mỗi tuần).

Các vườn trẻ thường hoạt động vào những ngày học của trường và trong học kỳ của trường, và cung ứng việc học hỏi sớm có cấu trúc cho trẻ em trong một hoặc hai năm trước tuổi đi học.

Các dịch vụ giữ trẻ trọn ngày cung ứng chăm sóc trọn ngày cho hầu hết những năm đối với trẻ em từ 0 đến 6 tuổi. Họ cũng có thể cung ứng 'các chương trình vườn trẻ' riêng biệt cho trẻ em trong một hoặc hai năm trước tuổi đi học.

☐ Vườn trẻ Preschool	☐ Bán thời Part time	☐ Toàn thời Full time	Mã số bưu chính Postcode	
☐ Giữ trẻ trọn ngày Long Day Care	☐ Bán thời Part time	☐ Toàn thời Full time	Mã số bưu chính Postcode	
☐ Giữ trẻ ban ngày qua dịch vụ gia đình Family Day Care	☐ Bán thời Part time	☐ Toàn thời Full time		
☐ Ông bà nội/ngoại Grandparent	☐ Bán thời Part time	☐ Toàn thời Full time		
☐ Các hình thức giữ trẻ chính thức hoặc không chính thức khác Other formal or informal care (ví dụ chăm sóc thỉnh thoảng, nhóm vui chơi, các thân nhân khác, người được thuê để trông trẻ (bảo mẫu), bạn bè, hàng xóm)	☐ Bán thời Part time	☐ Toàn thời Full time		

Tên của (các) vườn trẻ và/hoặc (các) dịch vụ giữ trẻ sớm nếu thích ứng

Name/s of preschool/s and/or early childcare service/s if applicable

Các chi tiết về việc xếp chỗ ưu tiên (Priority Placement details)

Thông tin liên quan đến việc thẩm định xếp chỗ ưu tiên

Information relating to assessment for priority placement

Thông tin này được thu thập để thẩm định xem gia đình có đáp ứng tiêu chuẩn để được xếp chỗ ưu tiên theo diện thiết thòi về mặt tài chính.

Quý vị có Thẻ chăm sóc Y tế Lợi tức thấp hoặc có đang nhận được Tiền Hỗ trợ Lợi tức?

(Ví dụ Trợ cấp Newstart, Trợ cấp Hỗ trợ người Khuyết tật được cấp bởi Centrelink hoặc Bộ Sự vụ Cựu Chiến binh. Việc này không bao gồm Phúc lợi Thuế Gia đình (Family Tax Benefit) hoặc Trợ cấp người Chăm sóc.)

Low Income Health Care Card or Income Support Payment?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Chi tiết gia đình (Family details)

B. Cha mẹ/Người chăm sóc 1 mà thường sống chung với trẻ này B. Parent/Carer 1 with whom this child normally lives

Nếu thích ứng, phải cung cấp bản sao các án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có.

Danh hiệu (ví dụ Mr/Ms/Mrs/Dr)
Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)

Phái tính
Gender

☐ Nam
Male

☐ Nữ
Female

Liên hệ đối với trẻ (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc)
Relationship to child (eg mother/father/carers)

Họ
Family name

Tên
Given name

Quốc gia nơi sinh
Country of birth

Nguồn gốc Thổ dân
Aboriginality

☐ Không
No

☐ Thổ dân
Aboriginal

☐ Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

☐ Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

(Các) nguồn gốc văn hóa của cha/mẹ/người chăm sóc này
Cultural background(s) of this parent/carers

Nhóm nghề nghiệp (Occupation group)

Xin chọn một nhóm diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị

Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.

- ☐ Nhóm 8
Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Have not been in paid work in the last 12 months
- ☐ Nhóm 4
Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ
Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
- ☐ Nhóm 3
Group 3 Thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ
Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
- ☐ Nhóm 2
Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý
Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
- ☐ Nhóm 1
Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp
Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp
Occupation

Học vấn ở trường (School education)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?

Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô)

☐ Lớp 12 hoặc tương đương
Year 12 or equivalent

☐ Lớp 11 hoặc tương đương
Year 11 or equivalent

☐ Lớp 10 hoặc tương đương
Year 10 or equivalent

☐ Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn
Year 9 or equivalent or below

Bằng cấp học tập (Educational qualifications)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?

☐ Không có bằng cấp cao đẳng/dại học
No non-school qualification

☐ Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề)
Certificate I to IV including trade certificate

☐ Cao đẳng/cao đẳng cấp cao
Advanced diploma/diploma

☐ Bằng cử nhân hoặc cao hơn
Bachelor degree or above

Ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà (Languages other than English spoken at home)

Cha mẹ/người chăm sóc học sinh này có nói ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh ở nhà?
Does this parent/carers speak a language other than English at home?

☐ Không, chỉ nói tiếng Anh
No, English only

☐ Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà?

Xin viết ra (các) tên thật của ngôn ngữ sử dụng, ví dụ, Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính mà cha/mẹ/người chăm sóc này nói tại nhà ngoài tiếng Anh
Main language other than English spoken at home by this parent/carers

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

Có thể có thông dịch viên trong các cuộc phỏng vấn tại vườn trẻ. Quý vị có cần thông dịch viên không?
Interpreter required for preschool interviews

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Chi tiết gia đình (Family details)

Cha mẹ/Người chăm sóc 2 mà thường sống chung với trẻ này Parent/Carer 2 with whom this child normally lives

Nếu thích ứng, phải cung cấp bản sao các án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có.

Danh hiệu (ví dụ Mr/Ms/Mrs/Dr)
Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)

Phái tính
Gender

☐ Nam
Male

☐ Nữ
Female

Liên hệ đối với trẻ (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc)
Relationship to child (eg mother/father/carer)

Họ
Family name

Tên
Given name

Quốc gia nơi sinh
Country of birth

Nguồn gốc Thổ dân
Aboriginality

☐ Không
No

☐ Thổ dân
Aboriginal

☐ Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

☐ Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

(Các) nguồn gốc văn hóa của cha/mẹ/người chăm sóc này
Cultural background(s) of this parent/carer

Nhóm nghề nghiệp (Occupation group)

Xin chọn một nhóm diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị

Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.

- ☐ Nhóm 8
Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Have not been in paid work in the last 12 months
- ☐ Nhóm 4
Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ
Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
- ☐ Nhóm 3
Group 3 Thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ
Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
- ☐ Nhóm 2
Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý
Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
- ☐ Nhóm 1
Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp
Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp
Occupation

Học vấn ở trường (School education)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?

Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô)

- ☐ Lớp 12 hoặc tương đương
Year 12 or equivalent
- ☐ Lớp 11 hoặc tương đương
Year 11 or equivalent
- ☐ Lớp 10 hoặc tương đương
Year 10 or equivalent
- ☐ Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn
Year 9 or equivalent or below

Bằng cấp học tập (Educational qualifications)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?

- ☐ Không có bằng cấp cao đẳng/dại học
No non-school qualification
- ☐ Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề)
Certificate I to IV including trade certificate
- ☐ Cao đẳng/cao đẳng cấp cao
Advanced diploma/diploma
- ☐ Bằng cử nhân hoặc cao hơn
Bachelor degree or above

Ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà (Languages other than English spoken at home)

Cha mẹ/người chăm sóc học sinh này có nói ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh ở nhà?
Does this parent/carer speak a language other than English at home?

☐ Không, chỉ nói tiếng Anh
No, English only

☐ Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà?

Xin viết ra (các) tên thật của ngôn ngữ sử dụng, ví dụ, Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính mà cha/mẹ/người chăm sóc này nói tại nhà ngoài tiếng Anh
Main language other than English spoken at home by this parent/carer

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

Có thể có thông dịch viên trong các cuộc phỏng vấn tại vườn trẻ. Quý vị có cần thông dịch viên không?
Interpreter required for preschool interviews

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Chi tiết gia đình (Family details)

C. Cha mẹ/người chăm sóc thường sống chung với trẻ

C. Parents/carers with whom this child normally lives

Tên dùng trong tất cả liên lạc thư tín (ví dụ Mr and Mrs A Black, Ms B Green) Name to be used for all correspondence

Địa chỉ thường trú (ví dụ 1 High Street, Sydney, NSW 2000) Residential address

Địa chỉ này sẽ được ghi nhận là địa chỉ cư trú của trẻ được ghi danh theo học.

Địa chỉ thư tín

Correspondence address

Nếu quý vị có địa chỉ thư tín khác với địa chỉ thường trú, xin viết ra dưới đây (ví dụ: PO Box 51, Sydney, NSW, 2001).

Nếu vườn trẻ cần liên lạc cha/mẹ/người chăm sóc, xin nêu cụ thể, theo thứ tự tùy quý vị chọn, ai là người để vườn trẻ liên lạc

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi).

Tên của cha/mẹ/người chăm sóc để liên lạc trước tiên (Name of parent/carer to contact first)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Ghi chú (Comments)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

Địa chỉ liên lạc email (Contact email address)

Tên của cha/mẹ/người chăm sóc để liên lạc thứ nhì (Name of parent/carer to contact second)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Ghi chú (Comments)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

Địa chỉ liên lạc email (Contact email address)

Chi tiết gia đình (Family details)

D. Cha mẹ/người chăm sóc mà không ở cùng với trẻ này
D. Parents/carers not living with this child

Chỉ điền nếu thích ứng. Phải cung cấp bản sao án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có. Xin vui lòng in ra và kèm thêm các trang nếu cần ghi tên các cha mẹ/người chăm sóc không sống chung với trẻ này.

Danh hiệu (eg Mr/Ms/Mrs/Dr) Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)
Phái tính Gender
Nam Male
Nữ Female
Liên hệ đối với trẻ (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc) Relationship to child (eg mother/father/carer)
Họ Family name
Tên Given name
Quốc gia sinh quán Country of birth
Nguồn gốc Thổ dân Aboriginality
Không No
Thổ dân Aboriginal
Dân đảo Torres Strait Torres Strait Islander
Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait Both Aboriginal and Torres Strait Islander
(Các) nguồn gốc văn hóa của cha/mẹ/người chăm sóc này Cultural background(s) of this parent/carer

Nhóm nghề nghiệp (Occupation group)

Xin chọn một nhóm diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị
Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.
Nhóm 8 Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua Have not been in paid work in the last 12 months
Nhóm 4 Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
Nhóm 3 Group 3 thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
Nhóm 2 Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
Nhóm 1 Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp Occupation

Học vấn ở trường (School education)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?
Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô)
Lớp 12 hoặc tương đương Year 12 or equivalent
Lớp 11 hoặc tương đương Year 11 or equivalent
Lớp 10 hoặc tương đương Year 10 or equivalent
Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn Year 9 or equivalent or below

Bằng cấp học tập (Educational qualifications)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?
Không có bằng cấp cao đẳng/đại học No non-school qualification
Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề) Certificate I to IV including trade certificate
Cao đẳng/cao đẳng cấp cao Advanced diploma/diploma
Bằng cử nhân hoặc cao hơn Bachelor degree or above

Các chi tiết liên lạc (Contact details)

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi).
Số điện thoại (di động) Phone number (mobile)
Số điện thoại (nhà) Phone number (home)
Số điện thoại (sở làm) Phone number (work)
Ghi chú (Comments)
Địa chỉ email ưa dùng để liên lạc thư tín (Preferred email address for correspondence)

Chi tiết gia đình (Family details)

D. Cha mẹ/người chăm sóc không sống chung với trẻ này (tiếp tục)

D. Parents/carers not living with this child (continued)

Địa chỉ thường trú (ví dụ 1 High Street, Sydney, NSW 2000) Residential address

Trẻ này đôi khi có ở tại địa chỉ này không?

Child sometimes resides at this address

☐ Có
Yes☐ Không
No

Địa chỉ thư tín

Correspondence address

Nếu quý vị có địa chỉ thư tín khác với địa chỉ thường trú, xin viết ra dưới đây (ví dụ PO Box 51, Sydney, NSW, 2001).

Những người liên lạc phụ trội khi khẩn cấp (Additional emergency contacts)

E. Những người liên lạc phụ trội khi khẩn cấp

E. Additional emergency contacts

Xin để cử hai người trên 18 tuổi mà vườn trẻ có thể liên lạc trong trường hợp khẩn cấp nếu như họ không thể liên lạc với cha mẹ/người chăm sóc đã nêu trong phần C. Lý tưởng nhất là mỗi người liên lạc đều cư ngụ gần vườn trẻ. Xin quý vị nhớ thảo luận với những người này để xem họ có sẵn lòng cho vườn trẻ liên lạc khi khẩn cấp không.

Chi tiết liên lạc (ưu tiên 1) Contact details (first preference)

Họ
Family name

Tên

Given name

Địa chỉ
Address

Đã được ủy quyền để (vui lòng đánh dấu vào tất cả các mục thích ứng)
Is authorised to (please tick all that apply)

☐ chấp thuận việc nhân viên trường đưa con tôi ra bên ngoài cơ sở vườn trẻ (preschool)
consent to school staff taking my child outside the preschool premises

☐ đón con tôi từ vườn trẻ
collect my child from the preschool

☐ chấp thuận việc chữa trị y tế và chấp thuận việc cho con tôi dùng thuốc
consent to medical treatment and authorise the administration of medication to my child

☐ chấp thuận đối với việc chuyên chở hoặc việc thu xếp chuyên chở cho con tôi khi thích đáng
consent to transporting or arranging transportation for my child where appropriate

Quan hệ đối với trẻ (ví dụ hàng xóm, cô dì, chú bác)
Relationship to child (eg neighbour, aunt, uncle)

Nếu có điều kiện hoặc giờ giấc đặc biệt nào thích ứng đối với bất cứ số liên lạc nào, vui lòng nêu ra trong ô nhận xét kể bên số đó
(ví dụ: chỉ Thứ Hai và Thứ Ba).

Số điện thoại liên lạc
Contact phone number

Ghi chú (Comments)

Chi tiết liên lạc (ưu tiên 2) Contact details (second preference)

Họ
Family name

Tên

Given name

Địa chỉ
Address

Đã được ủy quyền để (vui lòng đánh dấu vào tất cả các mục thích ứng)
Is authorised to (please tick all that apply)

☐ chấp thuận việc nhân viên trường đưa con tôi ra bên ngoài cơ sở vườn trẻ (preschool)
consent to school staff taking my child outside the preschool premises

☐ đón con tôi từ vườn trẻ
collect my child from the preschool

☐ chấp thuận việc chữa trị y tế và chấp thuận việc cho con tôi dùng thuốc
consent to medical treatment and authorise the administration of medication to my child

☐ chấp thuận đối với việc chuyên chở hoặc việc thu xếp chuyên chở cho con tôi khi thích đáng
consent to transporting or arranging transportation for my child where appropriate

Quan hệ đối với trẻ (ví dụ hàng xóm, cô dì, chú bác)
Relationship to child (eg neighbour, aunt, uncle)

Nếu có điều kiện hoặc giờ giấc đặc biệt nào thích ứng đối với bất cứ số liên lạc nào, vui lòng nêu ra trong ô nhận xét kể bên số đó
(ví dụ: chỉ Thứ Hai và Thứ Ba).

Số điện thoại liên lạc
Contact phone number

Ghi chú (Comments)

Chi tiết của trẻ – thông tin thêm (Child's details - additional information)

F. Các hoàn cảnh đặc biệt và quá khứ liên quan đến việc thẩm định nguy cơ

F. Special circumstances and history relevant to risk assessment

Có hoàn cảnh đặc biệt nào về con của quý vị đang xin ghi danh mà vườn trẻ cần phải biết trước khi ghi danh?

Are there any special circumstances about the child seeking to be enrolled that the preschool should know prior to enrolment?

(ví dụ: sống xa khỏi sự giám sát của cha mẹ, là đối tượng của một án lệnh, là đối tượng bị kẻ khác bắt nạt, được dịch vụ tiểu bang thu xếp việc chăm sóc xa nhà (out of home care), có quá trình tự gây hại bản thân hoặc bạo hành đối với các trẻ em khác, trẻ tạm trú sống trong trại tạm giữ di dân, cha/mẹ làm việc trong ngành nghề nguy cơ cao ví dụ như Quốc phòng, nhân viên cứu cấp).

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu có, xin nêu sơ lược hoàn cảnh. Điền vào khoảng trống dưới đây.

G. Trẻ có các nhu cầu học tập và hỗ trợ phụ trội, kể cả khuyết tật

G. Children with additional learning and support needs, including disability

Trẻ này có cần hỗ trợ trong việc học tập vì có khuyết tật?

Does your child require support for learning because of disability?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Luật pháp và chính sách của NSW Department of Education công nhận rằng có thể cần đến các điều chỉnh dành cho các trẻ có nhu cầu đặc biệt, kể cả trẻ khuyết tật, để các em có thể tham gia tại vườn trẻ. Nhân viên vườn trẻ và phụ huynh hợp tác để nhận ra các điều chỉnh nào cần đến nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và hỗ trợ của con em quý vị.

Có điều gì mà quý vị thực hiện hoặc chỉnh đổi tại nhà mà có thể giúp chúng tôi ở vườn trẻ để đáp ứng các nhu cầu học tập cho con của quý vị?

Is there anything that you do or modify at home that may help us at preschool to meet your child's educational needs?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu có, xin nêu rõ
If yes, please specify

Xin nêu rõ các điều chỉnh nào về học tập mà có thể cần đến nhằm giúp con của quý vị tham gia tại vườn trẻ (chỉ điền phần này nếu thích ứng)

Please indicate any learning adjustments that may be required to allow your child to participate at preschool

☐ các thay đổi đến chương trình học hỏi và/hoặc phương sách giảng dạy
changes to learning programs and/or teaching strategies

☐ giao tiếp liên lạc, ví dụ nói và/hoặc nghe
communication, eg speaking and/or listening

☐ chỉnh đổi thiết bị, bàn ghế, không gian học tập và/hoặc tài liệu/vật dụng học tập
modification to equipment, furniture, learning spaces and/or learning materials

☐ hỗ trợ nhu cầu chăm sóc cá nhân, ví dụ vệ sinh, bữa ăn và/hoặc nhu cầu chăm sóc y tế
support for personal care needs, eg hygiene, mealtimes and/or health care needs

☐ hỗ trợ xã giao để giao tiếp an toàn với các học sinh khác và với giáo viên
social support to engage safely with other children and teachers

☐ các điều khác (xin nêu rõ)
other (please specify)

Xin nêu ra nếu con của quý vị có các điều nào dưới đây

Please indicate if your child has any of the following

☐ tự kỷ
autism

☐ khiếm thính
a hearing impairment

☐ rối loạn ngôn ngữ
a language disorder

☐ khuyết tật thể chất
a physical disability

☐ có khó khăn trong học tập
difficulties in learning

☐ mắc phải tổn thương não
acquired brain injury

☐ rối loạn hành vi
behaviour disorder

☐ khuyết tật trí tuệ
intellectual disability

☐ rối loạn sức khỏe tâm thần
mental health disorder

☐ khiếm thị
a vision impairment

☐ các điều khác (xin nêu rõ)
other (please specify)

Cơ sở giáo dục mà con của quý vị tham gia trước đây có chuẩn bị bản kế hoạch chi tiết nhằm hỗ trợ các nhu cầu học tập phụ trội của em không?

Documented plan prepared by a previous education provider

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu có, xin vui lòng nêu chi tiết
If yes, please provide details

Chi tiết của trẻ – thông tin thêm (Child's details - additional information)

H. Các chi tiết y tế và tình trạng sức khỏe của trẻ
H. Child's medical details and health conditions

Điều thiết yếu là trước khi ghi danh cho con em mình, quý vị nên cho vườn trẻ biết nếu em có bất kỳ tình trạng y tế nào. Điều này phải gồm cả bất cứ chứng dị ứng nào đã biết được. Quý vị cũng nên liên lạc vườn trẻ ngay khi quý vị biết em có chứng dị ứng nào mới được chẩn đoán, các tình trạng y tế nào khác hoặc có thay đổi nào đến tình trạng hiện thời. Việc này sẽ giúp vườn trẻ hỗ trợ sự an toàn và an lành của con em quý vị và giúp thực hiện việc hoạch định nhằm xác định cách thức tốt nhất trong việc đáp ứng các nhu cầu hỗ trợ và sức khỏe cá nhân của con em quý vị. Đây là thông tin quan trọng nhằm giúp con quý vị an toàn khi tham gia tại vườn trẻ.

Số thẻ Medicare của trẻ
Child's Medicare number
Thẻ Medicare có giá trị đến
Medicare card valid to date
Tên của bác sĩ/trung tâm y tế
Doctor's name/medical centre

Địa chỉ của bác sĩ (ví dụ: 1 High Street, Sydney, NSW, 2000) (Doctor's address)

Số điện thoại của bác sĩ (sở làm)
Doctor's phone number (work)

Xin vui lòng cho biết tên, địa chỉ và số điện thoại của bất cứ bác sĩ hoặc chuyên viên y tế nào khác mà hiện có thể đang chữa trị con em của quý vị về bất cứ chứng dị ứng hoặc tình trạng y tế nào khác mà quý vị có thể nêu ra khi điền vào phần H. Hãy đính kèm thêm một trang nữa nếu cần.

Table with 4 columns: Dị ứng / Tình trạng Y tế (Allergy / Medical Condition), Tên của bác sĩ (Doctor's Name), Địa chỉ (Address), Điện thoại (Telephone)

Nếu con của quý vị có một kế hoạch hỗ trợ y tế để hỗ trợ bất cứ nhu cầu sức khỏe hoặc y tế của em từ vườn trẻ hoặc cơ quan nào trước đây (ví dụ: dịch vụ chăm sóc trọn ngày, chăm sóc thính thỏang v.v.), vui lòng cho vườn trẻ biết bằng cách kèm bản chi tiết với đơn này. Các chi tiết sẽ được dùng khi tạo một kế hoạch chăm sóc y tế cá nhân cho con của quý vị.

Các dị ứng – các chứng này có thể gồm dị ứng đối với vết chích côn trùng, thuốc men, latex, thực phẩm (ví dụ các loại hạt, trứng, đậu phộng) hoặc dị ứng nào khác
Allergies – these can include allergies to insect stings, drugs, latex, food (eg nuts, eggs, peanuts) or other

Nếu con em của quý vị có một chứng dị ứng, xin nêu ra trong ô dưới đây. Cho chứng dị ứng này, trả lời 11 câu hỏi sau đây (nếu thích ứng). Nếu không đủ chỗ, xin kèm thêm các trang bổ sung và để rõ 'Phần H'.

Nếu con em của quý vị có thêm các chứng dị ứng nào khác nữa, xin vui lòng trả lời từng câu cho 11 câu hỏi sau đây (nếu thích ứng) trên mỗi trang riêng rẽ cho mỗi chứng dị ứng. Đính kèm thông tin phụ trội này (để rõ 'Phần H') vào phần cuối của đơn này.

Dị ứng đối với
Allergy to

1. Bác sĩ đã có chẩn đoán chứng dị ứng này chưa?
1. Has a doctor diagnosed this allergy?
2. Đây có phải là chứng dị ứng trầm trọng không (anaphylaxis)?
2. Is this a severe allergy (anaphylaxis)?

Anaphylaxis là chứng dị ứng trầm trọng, có thể nguy hiểm đến tính mạng.

3. Con em của quý vị đã từng nhập viện vì chứng quá mẫn (anaphylaxis) hoặc vì chứng dị ứng nào khác?
3. Has your child been hospitalised with a severe allergic reaction (anaphylaxis) or any other allergy?

4. Nếu có, bệnh viện nào?
4. If yes, which hospital?

5. Con em của quý vị có bản ASCIA Action Plan for Anaphylaxis?
5. Does your child have an ASCIA Action Plan for Anaphylaxis?

6. Nếu có, bản này có kèm theo đây không?
6. If yes, is this plan attached?

7. Con em của quý vị có được kê toa thuốc adrenaline kích tự động (nghĩa là EpiPen®)?
7. Has your child been prescribed an adrenaline autoinjector (i.e. EpiPen®)?

Nếu con em của quý vị được kê toa thuốc adrenaline kích tự động, quý vị cần đưa cho vườn trẻ một hộp thuốc (và luôn thay mới trước ngày hết hạn).
Mỗi lần con em của quý vị được kê toa thuốc adrenaline kích tự động, bác sĩ phải cấp một bản ASCIA Action Plan for Anaphylaxis (Kế hoạch Hành động ASCIA đối với chứng quá mẫn) đã cập nhật. Điều quan trọng là hãy cung cấp bất cứ kế hoạch cập nhật nào cho vườn trẻ.

Chi tiết của trẻ – thông tin thêm (Child's details - additional information)

8. Nếu có, ngày hết hạn (expiry date) của thuốc chích adrenaline tự động mà quý vị sẽ cung cấp cho trường là ngày nào?
8. If yes, what is the expiry date of the adrenaline autoinjector that will be provided to the preschool?

		/				
			tháng	năm		

Nếu thông tin này chưa được biết vào lúc điền đơn, vườn trẻ sẽ cần thông tin này lúc ghi danh.

9. Con em của quý vị có bản ASCIA Action Plan for Allergic Reactions?
9. Does your child have an ASCIA Action Plan for Allergic Reactions?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

10. Nếu có, bản kế hoạch này có kèm theo đây?
10. If yes, is this plan attached?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

Điều quan trọng là hãy cung cấp bất cứ kế hoạch cập nhật nào cho vườn trẻ.

11. Xin nêu bất cứ thuốc men nào khác đã được kê toa cho chứng dị ứng này.
11. Please list any other medication prescribed for this allergy.

Vào lúc ghi danh, vườn trẻ sẽ cần đến chi tiết thêm về việc thuốc men có kê toa.

Quý vị phải điền đơn yêu cầu nếu muốn vườn trẻ đảm nhận việc giao phát thuốc men đã kê toa cho con em của mình. Vườn trẻ có thể cung cấp cho quý vị mẫu đơn yêu cầu. Xem trang mạng của Bộ để biết thêm thông tin.

Các tình trạng y tế nào khác ngoài các dị ứng và anaphylaxis (ví dụ suyễn, suyễn nặng, tiểu đường, động kinh) Medical conditions other than allergies and anaphylaxis (eg asthma, severe asthma, diabetes, epilepsy)

Xin nêu ra và cung ứng chi tiết dưới đây về bất cứ tình trạng y tế nào khác mà con em của quý vị hiện có và được chữa trị. (Nếu có hơn một tình trạng hoặc không đủ chỗ, xin kèm thêm các trang phụ trội và bao gồm các câu trả lời cho tất cả 7 câu hỏi sau đây).

Tình trạng y tế
Medical condition

1. Bác sĩ đã có chẩn đoán tình trạng này cho con em của quý vị?
1. Has a doctor diagnosed this condition?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

2. Con em của quý vị đã có nhập viện do tình trạng này?
2. Has your child been hospitalised with this condition?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

3. Nếu có, bệnh viện nào?
3. If yes, which hospital?

4. Con của quý vị có một kế hoạch hành động đã được một bác sĩ ghi chi tiết?
(ví dụ, kế hoạch hành động khi bị suyễn, kế hoạch lo liệu y tế, kế hoạch giảm thiểu nguy cơ)
4. Does your child have a documented action plan from a doctor?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

5. Nếu có, bản này có kèm theo đây không?
5. If yes, is this plan attached?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

6. Con em của quý vị có dùng thuốc men kê toa đối với tình trạng này?
6. Is your child taking prescribed medication for this condition?

☐	Có	☐	Không
	Yes		No

7. Nếu có, tên của thuốc men kê toa là gì?
7. If yes, what is the prescribed medication?

Vào lúc ghi danh, vườn trẻ sẽ cần đến chi tiết thêm về việc thuốc men có kê toa.

Quý vị phải điền đơn yêu cầu nếu muốn vườn trẻ đảm nhận việc giao phát thuốc men đã kê toa cho con em của mình. Vườn trẻ có thể cung cấp cho quý vị mẫu đơn yêu cầu. Xem trang mạng của Bộ để biết thêm thông tin.

CHỈ DÀNH CHO VĂN PHÒNG (OFFICE USE ONLY)

Additional notes

Ủy quyền (Authorisations)

Đau yếu, tai nạn và chữa trị khẩn cấp Illness, accident and emergency treatment

Tôi ủy quyền và đồng ý cho cơ quan đã được chuẩn y, giám thị được đề cử, hoặc nhân viên giáo dục, để họ:
I authorise and consent for the approved provider, nominated supervisor, or an educator to:

1. tìm chữa trị y tế cho con tôi từ chuyên viên y tế có đăng ký, hoặc việc chữa trị tại bệnh viện, hoặc dịch vụ xe cứu thương
seek medical, hospital or ambulance service
2. thu xếp việc chuyên chở cho con tôi, kể cả việc dùng xe cứu thương trong trường hợp điều này có vẻ cần thiết.
arrange transportation including ambulance if required.

Chữ ký của cha mẹ/người chăm sóc
Parent/Carer signature

/ /
ngày tháng năm

Tham quan và các cuộc du ngoạn khác Excursions and other outings

Đối với các cuộc tham quan hoặc du ngoạn, vườn trẻ sẽ cần có sự ủy quyền riêng rẽ và có chữ ký từ cha/mẹ/người chăm sóc hoặc người đã được ủy quyền

- một lần ủy quyền cho mỗi mười hai tháng đối với các cuộc du ngoạn thường lệ
- cho mỗi lần tham quan mà không phải là cuộc du ngoạn thường lệ.

Giấy ủy quyền phải được giữ cùng với đơn ghi danh này.
The authorisation form/s must be kept with this enrolment form.

Chuyên chở Transportation

Vườn trẻ sẽ nhận một giấy ủy quyền riêng rẽ và có chữ ký của phụ huynh/người chăm sóc hoặc người được ủy quyền, cho việc chuyên chở nào có bao gồm trong dịch vụ này.

Giấy ủy quyền phải được giữ cùng với đơn ghi danh này.
The authorisation form/s must be kept with this enrolment form.

Thông tin cá nhân, chấp thuận, và tuyên khai về sự chính xác (Consent and declaration)

Thông tin cá nhân mà thu thập từ đơn này được dùng cho các mục đích có liên quan trực tiếp đến việc học của con em quý vị, kể cả việc xét đơn này. Bất cứ thông tin nào cung cấp cho NSW Department of Education sẽ được sử dụng, tiết lộ và cất giữ theo đúng với luật lệ về quyền riêng tư của NSW. Một số thông tin nào đó được NSW Department of Education cần đến để đáp ứng nhiệm vụ chăm sóc và các nghĩa vụ pháp lý khác chiếu theo luật lệ về giáo dục, y tế công cộng và bảo vệ trẻ em và đáp ứng các yêu cầu về thu thập dữ liệu và báo cáo theo dưới các thỏa thuận tài trợ Liên bang – Tiểu bang mà có thể bao gồm việc đánh giá và thẩm định kết quả của học sinh. Thông tin có thể được tiết lộ cho các cơ quan chính phủ Tiểu bang NSW và Liên bang và các cơ quan khác cho các mục đích nói trên và theo như luật pháp đã cho phép hoặc đòi hỏi. Thông tin sẽ được lưu trữ trong bộ dữ liệu điện tử an toàn. Quý vị có thể tiếp cận hoặc chỉnh sửa thông tin bằng cách liên lạc đến vườn trẻ (preschool) của con em quý vị. Nếu có quan ngại hoặc than phiền gì về thông tin đã thu thập hoặc về cách thức thông tin đã được sử dụng hoặc tiết lộ, quý vị nên liên lạc đến vườn trẻ. Nếu quý vị quyết định không cung cấp một số thông tin đã được yêu cầu, việc này có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc ghi danh của con em quý vị, việc cung ứng tài nguyên của vườn trẻ hoặc đáp ứng nhu cầu học tập của con em quý vị. Muốn biết thêm thông tin về việc thu thập thông tin trong lúc con quý vị ghi danh tại một vườn trẻ Công lập NSW, và về cách thức chúng tôi bảo vệ quyền riêng tư của quý vị, hãy vào trang mạng của NSW Department of Education hoặc liên lạc đến vườn trẻ.

Xuất bản thông tin của trẻ em

Vườn trẻ/NSW Department of Education có thể xuất bản thông tin về con em của quý vị nhằm mục đích chia sẻ trải nghiệm của em với các trẻ em khác, thông tin cho vườn trẻ và cộng đồng về các sinh hoạt vườn trẻ và lưu hồ sơ về sự tham gia của trẻ trong các dịch vụ cộng đồng hoặc để ấn đăng lưu ý.

Thông tin này có thể gồm tên, tuổi, lớp của con em quý vị và thông tin thu thập tại vườn trẻ chẳng hạn như hình chụp, bản thu âm và thu hình con em của quý vị, công trình và sự bày tỏ quan điểm của con em quý vị chẳng hạn như trong truyền thông tương tác qua máy tính.

Các phương tiện liên lạc mà theo đó thông tin của con em quý vị có thể được xuất bản gồm có, nhưng không chỉ, các phương tiện sau đây:

- Các trang mạng công cộng của NSW Department of Education kể cả trang mạng của vườn trẻ, NSW Department of Education Intranet (chỉ dành cho nhân viên), blogs và wikis.
- Các ấn bản của NSW Department of Education bao gồm bản tin thư (newsletter), báo cáo và tạp chí hàng năm của vườn trẻ, các tài liệu quảng bá được phát hành qua các ấn bản hoặc phương tiện điện tử kể cả các trang mạng của NSW Department of Education.
- Các tài khoản truyền thông xã hội chính thức của NSW Department of Education và vườn trẻ qua các mạng lưới như YouTube, Facebook và Twitter của vườn trẻ.

Phụ huynh nên biết rằng khi thông tin được xuất bản trên các trang mạng công cộng và kênh truyền thông xã hội, thì đệ tam nhân có thể liên kết tới các thông tin này, và các thông tin này có thể được tìm thấy trên trang mạng trong nhiều năm, hoặc là vĩnh viễn. Một số chức năng tìm kiếm cũng có thể dự trữ hoặc lưu lại bản sao các thông tin đã phát hành.

Tuyên khai về sự chính xác, và chữ ký

Declaration of accuracy and signature

Tôi tuyên khai rằng thông tin cung cấp trong đơn này là chính xác và hoàn chỉnh, theo như sự hiểu biết và tin tưởng nhất của tôi.

Tôi đồng ý trả tất cả các lệ phí vườn trẻ thích ứng khi đến kỳ hạn.

Tôi đã đọc và hiểu thông tin trong đơn ghi danh này kể cả việc thu thập thông tin cá nhân, việc xuất bản thông tin của trẻ, các dịch vụ trực tuyến và sự ưng thuận.

Khi tôi cung cấp thông tin cá nhân về những người khác ngoài tôi hoặc (các) con của tôi, tôi đã làm vậy với sự cho phép của họ.

Tôi biết rằng nếu thông tin tôi đưa ra là sai lạc hoặc giả dối, thì bất cứ quyết định nào đã thực hiện dựa trên đơn này đều có thể bị thay đổi.

Cho phép xuất bản

Tôi đã đọc thông tin về việc xuất bản thông tin của trẻ (như trên) và.

Cho phép hoặc từ chối việc xuất bản Permission to publish given or denied

☐ Tôi cho phép
I give permission

☐ Tôi không cho phép
I do not give permission

để cho vườn trẻ/NSW Department of Education xuất bản thông tin về con tôi trên các phương tiện liên lạc được truy cập một cách công khai. Việc cho phép này có hiệu lực cho đến khi tôi báo cho nhà trường biết nếu đổi ý.

Các dịch vụ trên mạng

NSW Department of Education cung ứng cho trẻ em việc truy cập Internet có thanh lọc. Trẻ em cũng được tiếp cận cổng thông tin an toàn dùng cho việc học tập. Sau khi đăng nhập vào cổng thông tin của mình, trẻ em có thể truy nhập tài khoản email cá nhân và các ứng dụng trực tuyến. Các tài nguyên này giúp trẻ em cộng tác với bạn bè, xuất bản trên mạng, và lưu trữ dữ liệu một cách an toàn để truy cập trong trường hoặc ngoài trường.

Khi truy cập một số dịch vụ trên mạng thì dữ liệu, kể cả tên của trẻ em và hồ sơ mà các em đã lưu trữ trên máy điện toán, sẽ được cất chứa với cơ quan cung cấp ứng dụng trực tuyến tại một địa điểm bên ngoài mạng lưới của NSW Department of Education. NSW Department of Education đã hợp tác chặt chẽ với các cơ quan cung cấp ứng dụng trực tuyến, nhằm để thẩm định tác động về quyền riêng tư và việc kiểm soát an toàn dữ liệu. Phụ huynh muốn biết thông tin về quyền riêng tư thì có thể xem trang mạng education.nsw.gov.au/public-schools/going-to-a-public-school/privacy-information hoặc hỏi nhà trường.

Cho phép hoặc từ chối việc sử dụng các dịch vụ trực tuyến Permission to access online services given or denied

☐ Tôi cho phép
I give permission

☐ Tôi không cho phép
I do not give permission

con tôi được truy cập các dịch vụ trên mạng do NSW Department of Education cung cấp. Việc cho phép này có hiệu lực cho đến khi tôi báo cho nhà trường biết nếu đổi ý.

Chấp thuận

Tôi đã cung cấp thông tin về các nhu cầu học tập và hỗ trợ, kể cả tình trạng sức khỏe và/hoặc nhu cầu đặc biệt và/hoặc quá trình liên hệ tới việc thẩm định nguy cơ, có liên quan đến trẻ đã nêu trong Phần A của đơn ghi danh này.

Tôi chấp thuận cho vườn trẻ/NSW Department of Education tìm hỏi thông tin từ các dịch vụ chăm sóc giáo dục ấu nhi trước đây, các ban bộ Chính quyền NSW, bệnh viện công, các chuyên gia y tế và các cơ quan nào khác mà cũng có thể có thông tin liên quan đến việc thẩm định này đối với trẻ có tên ở trang 1.

Tôi chấp thuận để bất cứ chuyên gia nào đang chữa trị bệnh trạng sức khỏe hoặc y tế đã nêu trong đơn này, được cung cấp cho vườn trẻ/NSW Department of Education các thông tin về bất cứ bệnh trạng nào đã được nêu ra trong đơn này. Điều này có thể gồm bất cứ các khía cạnh nào khác về sức khỏe của trẻ mà có thể tác động đến tình trạng hoặc sức khỏe và an toàn của trẻ này hoặc các trẻ khác hoặc nhân viên tại vườn trẻ.

Chữ ký của cha/mẹ/người chăm sóc (Signature of parent/carer)

(ít nhất một người cha/mẹ/người chăm sóc của trẻ phải ký đơn xin ghi danh này)

Tên (viết chữ in) (Print name)

Ngày tháng

Date (dd/mm/yyyy)

/ /
ngày tháng năm

Chữ ký của cha/mẹ/người chăm sóc thứ nhì (Second parent/carer signature)

Tên (viết chữ in) (Print name)

Ngày tháng

Date (dd/mm/yyyy)

/ /
ngày tháng năm

CHỈ DÀNH CHO VĂN PHÒNG (OFFICE USE ONLY)

Record of evidence

Original documents must be sighted

Photocopies of evidence related to child's identity and their residential address may also be required.

Child's Identity (name and age eg birth certificate, passport etc)

☐ Yes ☐ No

Residential address

(eg rates notice, rental agreements, electricity accounts etc)

Evidence supplied ☐ Yes ☐ No

In area? ☐ Yes ☐ No

In addition, for children who are not Australian citizens, more information is required.

Passport or travel documentation number.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Country of issue

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Current visa sub-class (if applicable)

--	--	--

Medical/emergency plans sighted and copied (eg ASCIA Plan)

☐ Yes ☐ Not applicable

Disability or other support needs, including any personal learning and support plan sighted and copied

☐ Yes ☐ Not applicable

Low Income Health Care Card sighted and photocopied

☐ Yes ☐ Not applicable

AIR Immunisation History Statement sighted, and a copy retained, for children enrolling in a NSW Government preschool

☐ Yes ☐ Not applicable

If yes, AIR Immunisation History Statement indicates immunisation status

☐ Up to date ☐ Not up to date

Any family law, AVOs or other relevant court order sighted and copied

☐ Yes ☐ Not applicable

For parent not living with child (Section D p7)

☐ Shared parental responsibility

☐ Receive academic report

Enrolment notes

Principal's checklist

1. Enrolment interview conducted? ☐ Yes ☐ No

2. Special circumstances, additional support needs and child's history assessed? ☐ Yes ☐ Not required

3. Risk assessment required? ☐ Yes ☐ No

If yes, risk assessment conducted? ☐ Yes

4. Is personalised learning and support required for this child? ☐ Yes ☐ No

If yes:

Consultation with parents/carers conducted ☐ Yes

Planning to personalise learning and support completed? ☐ Yes ☐ Not required

Behaviour Management Plan (violence) developed?* ☐ Yes ☐ Not required

Behaviour Management Plan (other) developed?* ☐ Yes ☐ Not required

Individual Health Care Plan developed?* (including communication plan) ☐ Yes ☐ Not required

Emergency response plan developed?*** (including risk minimisation plan) ☐ Yes ☐ Not required

Medical conditions policy provided to parent/carer? ☐ Yes ☐ Not required

5. Communication of documented provision/s and plan/s to relevant staff? ☐ Yes ☐ Not required

*It may be necessary to defer the finalisation of enrolment until this action has been taken. This may require development of an interim plan until all relevant medical or other information has been obtained. Consideration must be given to all special needs when developing behaviour management or health care plans. Any deferral should be no more than reasonably necessary to collect the required information.

An emergency response plan must be included in the child's individual health care plan where the child is diagnosed at risk of a medical emergency.

** Where a child has been diagnosed at risk of anaphylaxis the emergency response plan will be the ASCIA Action Plan for Anaphylaxis, which will be provided by the parent, completed and signed by the treating doctor.

Principal's certification

On the basis of the information provided on this form and gained from the required assessments,

☐ I accept, or

☐ I decline this application to enrol

Signature of principal

--

Print name

--

Date

		/			/				
day		month		year					

Đơn ghi danh tại một Vườn trẻ Công lập tại NSW - Tờ thông tin (Information sheet)

XIN VUI LÒNG TÁCH BỎ TRANG SAU NÀY TRƯỚC KHI NỘP ĐƠN CHO VƯỜN TRẺ.

Gặp khó khăn với đơn này?

Nếu quý vị gặp khó khăn trong việc hiểu đơn này hoặc muốn biết thêm chi tiết, hãy vui lòng gọi đến vườn trẻ.

Nếu quý vị cần trợ giúp để giao tiếp tiếng Anh hãy gọi đến Dịch vụ Thông dịch qua Điện thoại (TIS) qua số 131 450 và yêu cầu một thông dịch viên người Việt. Nhân viên tổng đài sẽ nối quý vị với thông dịch viên để giúp quý vị trong cuộc đàm thoại. Dịch vụ này miễn phí.

Cách thức để điền đơn này

- Mọi người nộp đơn **phải** điền các Phần A, B, C, E và H
- Quý vị **có thể** phải điền vào phần D, F và G
- Dùng viết đen hoặc xanh để điền vào đơn này
- Khi cần phải đánh dấu một ô, hãy đánh dấu trong ô đó như thế này: ☒ ☒
- Khi được yêu cầu điền thông tin vào các ô, xin ghi một số vào mỗi ô như thế này:

1	2	3	4											
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
- Xin vui lòng viết chữ rõ ràng và dễ đọc như thế này:

Write as clearly as possible in the box
- Nếu có các trang thông tin bổ sung hãy đính kèm chắc chắn vào mặt sau của đơn. Hãy nêu rõ phần nào (A–H) mà thông tin này nói đến.

Nếu cần một đơn khác, quý vị có thể tải thêm các bản in từ: education.nsw.gov.au/public-schools/going-to-a-public-school/translated-documents/enrolment-application-preschool

Than phiền, Khen ngợi và Đề nghị

Chúng tôi rất mong được nghe từ quý vị nếu quý vị có than phiền, khen ngợi hoặc đề nghị nào hoặc có quan ngại gì về mặt nào của dịch vụ.

Chúng tôi khuyến khích quý vị hãy liên lạc vườn trẻ để thảo luận về các quan ngại của quý vị, vì hầu hết các vấn đề đều có thể được giải quyết bằng cách thảo luận với nhân viên văn phòng của vườn trẻ, giáo viên của con em quý vị hoặc với hiệu trưởng vườn trẻ. Họ am hiểu về con của quý vị và có cương vị tốt nhất để giúp quý vị. Ngoài ra, điều tốt nhất là quý vị nên báo sớm cho họ biết về những quan ngại của mình.

Chúng tôi sẽ tìm cách giải quyết vấn đề của quý vị một cách thấu đáo và công bằng và chúng tôi có một tiến trình minh bạch để giải quyết các vấn đề.

Muốn biết thêm thông tin, kể cả việc truy cập Chính sách Xử lý Than phiền và các thủ tục, có tại trang mạng: [education.nsw.gov.au/about-us/](https://education.nsw.gov.au/about-us/rights-and-accountability/complaints-compliments-and-suggestions) [rights-and-accountability/complaints-compliments-and-suggestions](https://education.nsw.gov.au/about-us/rights-and-accountability/complaints-compliments-and-suggestions)

The Early Childhood Education and Care Directorate (Directorate) là cơ quan chủ quản các cơ sở chăm sóc và giáo dục thiếu nhi tại NSW. Là một phần của vai trò này, Directorate nhận và xét duyệt các khiếu nại từ phụ huynh và công chúng về bất cứ khía cạnh nào của dịch vụ, kể cả dịch vụ do NSW Department of Education điều hành. Muốn biết thêm chi tiết, xem: education.nsw.gov.au/early-childhood-education/information-for-parents-and-carers

Danh sách kiểm tra

Khi đến vườn trẻ ghi danh, xin đem theo bản gốc các chứng từ sau đây:

- ☐ Chứng cơ về địa chỉ cư trú của trẻ
(ví dụ thông báo thuế phí của hội đồng thành phố [council rate notice], giấy thuê nhà, hóa đơn tiền điện, tờ khai hữu thệ v.v.)
- ☐ Khai sanh hoặc giấy chứng minh nhận dạng
- ☐ Bản kê khai quá trình chủng ngừa tại Australian Immunisation Register (AIR – Cơ quan Đăng ký Chủng ngừa Úc)

Thêm vào đó

Nếu con em của quý vị là đối tượng của một vụ việc luật gia đình, quý vị cần cung cấp:

- ☐ Bản sao án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nào khác

Thêm vào đó

Nếu con em quý vị có nhu cầu do sức khỏe, khuyết tật hoặc cần hỗ trợ nào khác, quý vị cần cung cấp:

- ☐ Các bản kế hoạch hành động khẩn cấp hoặc kế hoạch y tế/chăm sóc sức khỏe
- ☐ Chứng từ về nhu cầu do khuyết tật hoặc nhu cầu hỗ trợ nào khác, kể cả kế hoạch học hỏi và hỗ trợ nếu có
- ☐ Thẻ Chăm sóc Sức khỏe dành cho người Lợi tức Thấp (Low Income Health Care Card)

Nếu con của quý vị cần kế hoạch y tế cá nhân hoặc kế hoạch đáp ứng khi khẩn cấp, quý vị có thể tải xuống chính sách về các Tình trạng Y tế cho các trẻ em của vườn trẻ, qua trang mạng <https://education.nsw.gov.au/policy-library/policies/pd-2004-0034>

Thêm vào đó

Những người Không phải Công dân Úc

Nếu con em của quý vị là cư dân thường trú nhưng không phải công dân Úc, quý vị sẽ cần cung cấp:

- ☐ Hộ chiếu hoặc giấy tờ lữ hành
- ☐ Thị thực (visa) hiện thời và trước đây (nếu có)

Thêm vào đó

Những người có thị thực tạm trú

Nếu con em của quý vị có thị thực tạm trú (temporary visa), quý vị cần cung cấp:

- ☐ Hộ chiếu hoặc giấy tờ lữ hành
- ☐ Thị thực (visa) hiện thời và trước đây (nếu có)

Cần thêm giúp đỡ? Hãy liên lạc vườn trẻ hoặc viếng trang mạng education.nsw.gov.au/enrolment

Các nhóm nghề nghiệp của cha mẹ (Parent occupation groups)

Mục đích chính của việc thu thập thông tin này là để quảng bá và thực hiện Các Mục tiêu Giáo dục của Quốc gia qua việc thông tin cho Chính phủ Tiểu bang và Liên bang về các vấn đề có thể ảnh hưởng đến việc cung ứng tài nguyên cho vườn trẻ và trường học của con em quý vị.

Quý vị sẽ cần dùng bản này để điền phần 'Nhóm Nghề nghiệp' ở trang 4, 5 và 7.

5 nhóm được nêu ở đây được Sở Thống kê Úc (ABS) sử dụng để xếp loại các nghề nghiệp. Xin chọn nhóm (1, 2, 3, 4 hoặc 8) mà quý vị nghĩ rằng diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị.

Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng qua, hãy chọn nhóm mà quý vị đã từng làm việc.

Nhóm 8	Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Nhóm 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ	- Lái xe, người điều khiển máy móc di động, máy sản xuất/biến chế và các máy móc khác - Nhân viên ngành chiếu đài (người giám sát dịch vụ khách sạn, nhân viên lễ tân, bồi bàn, nhân viên quầy rượu, phụ bếp, nhân viên hành lý, người dọn phòng) - Phụ tá văn phòng, phụ tá bán hàng và các phụ tá khác - Văn phòng (đánh máy, xử lý văn bản/nhập dữ liệu/vận hành máy doanh nghiệp, lễ tân, phụ tá văn phòng) - Bán hàng (bán hàng, bán ô tô/nhà lưu động/phụ tùng, nhân viên quầy tính tiền, thu ngân, bán vé trên xe bus/xe lửa, bán vé, nhân viên trạm dịch vụ/trạm xăng, nhân viên bàn cho thuê xe, người bán dạo, bán hàng qua điện thoại, xếp hàng hóa lên kệ) - Các phụ tá/phụ trợ (phụ tá nghề thợ, phụ giáo/phụ trợ cho trường, phụ tá nha sỹ, y tá thú y, phụ tá y tá, nhân viên trông nom bảo tàng viện/phòng triển lãm, người dẫn chỗ, giúp việc tại nhà, phụ tá thẩm mỹ, trông nom súc vật) - Công nhân lao động và công nhân liên hệ - Các lực lượng quốc phòng – các cấp bậc thấp hơn sĩ quan cao cấp không chính thức không có ở dưới đây - Công nhân nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp, thủy sản, khai mỏ (người trông nom nông trại, người xén lông cừu, người phân loại lông/da sống, người làm đồng áng, huấn luyện ngựa, người làm ở vườn ươm cây, người chăm sóc cỏ, người làm vườn, cắt tỉa cây, công nhân trồng rừng/đốn gỗ, thợ mỏ, đánh bắt cá) - Những công nhân khác (người lao động, công nhân nhà máy, công nhân nhà kho, bảo vệ, dọn dẹp, người trông nom cao ốc, công nhân giặt ủi, thu nhặt xe đẩy đựng hàng, nhân viên khu đậu xe, người giám sát nơi qua đường)
Nhóm 3 Thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ	- Thợ nghề thường có Chứng chỉ Nghề (Trade Certificate) học trong 4 năm, thường là qua học nghề. Tất cả các thợ nghề đều nằm trong nhóm này. - Nhân viên văn phòng (clerks) (giữ sổ sách, nhân viên ngân hàng, nhân viên bưu điện, nhân viên thống kê/bảo hiểm, nhân viên kế toán/hoàn tiền/kiểm toán, nhân viên lương, nhân viên ghi nhận/đăng ký/lưu trữ, nhân viên cá độ, nhân viên kho/hàng lưu kho, nhân viên mua hàng/đặt hàng, nhân viên thu xếp vận tải/kiểm hàng/gửi hàng, nhân viên tính lệ phí hàng hóa, nhân viên hải quan, nhân viên dịch vụ khách hàng, nhân viên nhập hàng) - Nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên buôn bán và dịch vụ - Văn phòng (thư ký, phụ tá riêng, người điều hành nhu liệu ấn loát, người vận hành tổng đài) - Bán hàng (đại diện bán hàng công ty, người đấu giá, đại lý bảo hiểm/người đánh giá/người điều chỉnh thiệt hại, người nghiên cứu thị trường) - Dịch vụ (nhân viên dịch vụ người cao tuổi/khuyết tật/tị nạn/chăm sóc trẻ, trông trẻ, đọc đồng hồ đo, kiểm tra đầu xe, nhân viên bưu điện, phát chuyển nhanh, đại lý du lịch, hướng dẫn viên du lịch, tiếp viên hàng không, huấn luyện viên thể dục, nhà cái/giám sát ở sòng bài)
Nhóm 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý	- Chủ/người quản lý trang trại hoặc doanh nghiệp (doanh nghiệp nhập khẩu hoặc xuất khẩu, doanh nghiệp bán sỉ, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp địa ốc) - Người quản lý chuyên ngành (tài chính/xây dựng/sản xuất/nhân sự/quan hệ kỹ nghệ/bán hàng/tiếp thị) - Người quản lý dịch vụ tài chính (người quản lý chi nhánh ngân hàng, môi giới tài chính, môi giới đầu tư, môi giới bảo hiểm, nhân viên tín dụng, nhân viên về tiền vay) - Người quản lý bán lẻ/dịch vụ bán lẻ (cửa tiệm, trạm xăng, nhà hàng, câu lạc bộ, khách sạn/nhà trọ, rạp chiếu phim, nhà hát, đại lý) - Các lực lượng quốc phòng – Sĩ quan cao cấp không chính thức - Nghệ thuật/truyền thông/thể thao (nhạc công, diễn viên, vũ công, họa sĩ, thợ gốm, thợ điêu khắc, nhà báo, tác giả, phát thanh viên, nhiếp ảnh gia, nhà thiết kế, người minh họa, người đọc duyệt, vận động viên nam, vận động viên nữ, huấn luyện viên (coach/trainer), viên chức thể thao) - Những chuyên viên trợ lý thường có bằng cao đẳng hoặc bằng cấp chuyên môn kỹ thuật và họ hỗ trợ các nhà quản lý và chuyên gia - Kỹ thuật viên/chuyên viên trợ lý Y tế, Giáo dục, Luật, An sinh Xã hội, Công nghệ, Khoa học, Vĩ tinh - Kinh doanh/quản trị (viên chức tuyển dụng/nhận dụng/giao tế công nghiệp/đào tạo, chuyên gia tiếp thị/quảng cáo, chuyên gia phân tích nghiên cứu thị trường, đại diện bán hàng kỹ thuật, người mua hàng để bán lẻ, quản lý văn phòng/đề án)
Nhóm 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp	- Giám đốc điều hành cao cấp/giám đốc/lãnh đạo ban ngành công nghiệp, thương mại, truyền thông hoặc các cơ quan lớn - Người quản lý công sở (người đứng đầu bộ phận hoặc cao hơn) giám đốc vùng, người quản lý hành chính trong các lĩnh vực y tế/giáo dục/cảnh sát/các dịch vụ chữa cháy - Những người quản lý hành chính khác (hiệu trưởng trường học, trưởng khoa (faculty head/dean), giám đốc thư viện, giám đốc viện bảo tàng, giám đốc phòng triển lãm, giám đốc trung tâm nghiên cứu) - Các lực lượng quốc phòng – Sĩ quan chính thức - Các nhà chuyên môn thường có bằng đại học hoặc các bằng cấp cao hơn và kinh nghiệm trong việc áp dụng kiến thức này để thiết kế, phát triển hoặc vận hành các hệ thống phức tạp; nhận dạng, xử lý và cố vấn về các vấn đề; và để dạy người khác - Kỹ thuật viên/chuyên viên trợ lý Y tế, Giáo dục, Luật, An sinh Xã hội, Công nghệ, Khoa học, Vĩ tinh - Kinh doanh (Tư vấn quản lý kinh doanh, nhà phân tích kinh doanh, kế toán, kiểm toán, nhà phân tích chính sách, nhà phân tích bảo hiểm, nhà chuyên môn đánh giá) - Vận tải hàng không/đường thủy (phi công/viên chức/cơ trưởng máy bay/tàu thuyền, sĩ quan phi hành, người dạy lái máy bay, người kiểm soát không lưu)